

BIỂU SỐ 05/2019

Thống kê thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự

- **Dòng 1 (Số vụ án VKS cấp trên trực tiếp kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, QĐ của Tòa án cấp dưới):** Thống kê số vụ án do VKS cấp trên (VKS cấp tỉnh, VKS cấp cao...) kháng nghị đối với những bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm cấp dưới trực tiếp, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 2 (Số bị cáo VKS cấp trên trực tiếp kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, QĐ của Tòa án cấp dưới):** Thống kê số bị cáo do VKS cấp trên (VKS cấp tỉnh, VKS cấp cao...) kháng nghị đối với những bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm cấp dưới trực tiếp, trong kỳ thống kê

- **Dòng 3 (Số vụ án còn lại của kỳ trước):** Thống kê số vụ án chưa xét xử phúc thẩm của kỳ trước chuyển qua, các vụ án cấp giám đốc thẩm hủy án để xét xử phúc thẩm lại.

- **Dòng 4 (Số vụ án tạm đình chỉ đã phục hồi giải quyết trong kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án mà Tòa án cấp phúc thẩm đã ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết ở các kỳ thống kê trước mà kỳ thống kê này đã ra quyết định phục hồi để giải quyết.

- **Dòng 5 (Số bị cáo còn lại của kỳ trước):** Thống kê số bị cáo chưa xét xử phúc thẩm của kỳ trước chuyển qua, các bị cáo cấp giám đốc thẩm hủy án để xét xử phúc thẩm lại.

- **Dòng 6: (Số bị cáo tạm đình chỉ đã phục hồi giải quyết trong kỳ thống kê):** Thống kê số bị cáo mà Tòa án cấp phúc thẩm đã ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết ở các kỳ thống kê trước mà kỳ thống kê này đã ra quyết định phục hồi để giải quyết.

- **Dòng 7 (Số vụ án mới thụ lý xét xử phúc thẩm):** Thống kê số vụ án/số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý trong kỳ.

Dòng 8 (Số bị cáo mới thụ lý xét xử phúc thẩm): Thống kê số vụ án/số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý trong kỳ.

- **Dòng 9 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng):** Thống kê số bị cáo phạm tội tham nhũng Tòa án cấp phúc thẩm mới thụ lý trong kỳ thống kê.

- **Dòng 10 (Số bị cáo là pháp nhân thương mại):** Thống kê số bị cáo là pháp nhân thương mại Tòa án cấp phúc thẩm mới thụ lý trong kỳ thống kê.

- **Dòng 11 (Tổng số vụ án Tòa án thụ lý xét xử phúc thẩm):** Thống kê số vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý để giải quyết, (bao gồm số vụ án còn lại của kỳ trước, số vụ án mới thụ lý và số vụ án tạm đình chỉ được phục hồi để giải quyết).

$$\text{Dòng 11} = \text{Dòng 3} + \text{Dòng 4} + \text{Dòng 7}$$

- **Dòng 12 (Số vụ án do Viện kiểm sát kháng nghị):** Thống kê tổng số vụ án do Viện kiểm sát kháng nghị trong tổng số vụ án Tòa án thụ lý xét xử đã thống kê ở dòng 11.

- **Dòng 13 (Tổng số số bị cáo Tòa án thụ lý xét xử phúc thẩm):** Thống kê số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý để giải quyết, (bao gồm số số bị cáo còn lại của kỳ trước, số bị cáo mới thụ lý và số bị cáo tạm đình chỉ được phục hồi để giải quyết).

$$\text{Dòng 13} = \text{Dòng 5} + \text{Dòng 6} + \text{Dòng 8}$$

- **Dòng 14 (Số bị cáo do Viện kiểm sát kháng nghị):** Thống kê tổng số bị cáo do Viện kiểm sát kháng nghị trong tổng số bị cáo Tòa án thụ lý xét xử đã thống kê ở dòng 13.

- **Dòng 15 (Số vụ án có bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật ở cấp phúc thẩm):** Thống kê số vụ án có bổ sung chứng cứ mới, tài liệu, đồ vật trước khi xét xử hoặc tại phiên tòa phúc thẩm. Chứng cứ mới tài liệu, đồ vật có thể do VKS, người đã kháng cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bào chữa...bổ sung.

- **Dòng 16 (Số vụ án Tòa án yêu cầu VKS bổ sung):** Thống kê số vụ án mà trước khi xét xử hoặc tại phiên tòa phúc thẩm VKS đã bổ sung chứng cứ mới theo yêu cầu của Tòa án.

- **Dòng 17 (Số vụ án Tòa án phúc thẩm đình chỉ):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 18 (Số bị cáo Tòa án phúc thẩm đình chỉ):** Thống kê số bị cáo Tòa án đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 19 (Số vụ án đã xét xử phúc thẩm):** Thống kê số vụ án Tòa án đã xét xử phúc thẩm và đã ban hành bản án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 20 (Số vụ án tham nhũng):** Thống kê số vụ án tham nhũng Tòa án đã xét xử phúc thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 21 (Số vụ án có bị cáo là pháp nhân thương mại):** Thống kê số vụ án mà bị cáo phạm tội là pháp nhân Tòa án đã xét xử phúc thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 22 (Số vụ án có người bào chữa tham gia phiên tòa):** Thống kê số vụ án Tòa án đã xét xử phúc thẩm có người bào chữa tham gia phiên tòa, người bào chữa có thể do người bị buộc tội nhờ hoặc do cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền chỉ định.

- **Dòng 23 (Số vụ án có luật sư):** Thống kê số vụ án Tòa án đã xét xử phúc thẩm có luật sư tham gia phiên tòa bào chữa cho người bị buộc tội.

- **Dòng 24 (Số vụ án có bào chữa viên nhân dân):** Thống kê số vụ án Tòa án đã xét xử phúc thẩm có bào chữa viên nhân dân tham gia phiên tòa bào chữa cho người bị buộc tội.

- **Dòng 25 (Số vụ án có trợ giúp viên pháp lý):** Thống kê số vụ án Tòa án đã xét xử phúc thẩm có trợ giúp viên pháp lý tham gia phiên tòa bào chữa cho người bị buộc tội.

Đối với những vụ án có cả luật sư, bào chữa viên nhân dân và trợ giúp viên pháp lý thì chỉ thống kê vào các dòng nêu trên.

- **Dòng 26 (Số vụ án do VKS kháng nghị):** Thống kê số vụ án VKS kháng nghị mà Tòa án đã xét xử phúc thẩm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 27 (Do VKS cấp trên kháng nghị):** Thống kê số vụ án VKS cấp trên kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm cấp dưới mà Tòa án đã xét xử phúc thẩm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 28 (Số vụ án Tòa án xử chấp nhận kháng nghị của VKS):** Thống kê số vụ án Tòa án phúc thẩm xét xử chấp nhận kháng nghị của VKS (tính chung cả chấp nhận một phần và chấp nhận toàn bộ).

- **Dòng 29 (Do VKS cấp trên kháng nghị):** Thống kê số vụ án VKS cấp trên kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm cấp dưới mà Tòa án đã xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của VKS, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 30 (Số vụ án Tòa án chỉ xét xử về trách nhiệm dân sự):** Thống kê số vụ án Tòa án phúc thẩm chỉ xét xử về trách nhiệm dân sự, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 31 (Số phiên tòa Tòa án rút kinh nghiệm):** Thống kê số phiên tòa mà Tòa án quyết định tổ chức rút kinh nghiệm đã xét xử, trong kỳ thống kê

- **Dòng 32 (Số phiên tòa do VKS rút kinh nghiệm):** Thống kê số vụ án mà VKS quyết định đây là phiên tòa rút kinh nghiệm đã xét xử phúc thẩm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 33 (Số vụ án Tòa án sửa bản án sơ thẩm):** Thống kê số vụ án Tòa án phúc thẩm tuyên sửa bản án sơ thẩm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 34 (Số vụ Tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng kháng nghị của VKS) :** Thống kê số vụ án Tòa án cấp phúc thẩm tuyên sửa bản án sơ thẩm theo hướng kháng nghị của VKS, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 35 (Số vụ án Tòa án xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại):** Thống kê số vụ án Tòa án phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 36 (Số vụ án Tòa án xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo hướng kháng nghị của VKS):** Thống kê số vụ án Tòa án phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại theo hướng kháng nghị của VKS, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 37 (Số vụ án Tòa án xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại):** Thống kê số vụ án Tòa án phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để xét xử sơ thẩm lại, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 38 (Số vụ án Tòa án xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng kháng nghị của VKS) :** Thống kê số vụ án Tòa án phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để xét xử sơ thẩm lại theo hướng kháng nghị của VKS, trong kỳ thống kê

- **Dòng 39 (Số vụ án Tòa án xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án):** Thống kê số vụ án Tòa án phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Lưu ý: Một vụ án đã xét xử có thể được thống kê ở nhiều dòng khác nhau, ví dụ: Số vụ VKS kháng nghị đã xét xử thì vừa thống kê vào dòng 26 vừa thống kê vào một trong các dòng kết quả xét xử (dòng 33, 35, 37 hoặc 39)

- **Dòng 40 (Số bị cáo đã xét xử phúc thẩm):** Thống kê số bị cáo Tòa án đã xét xử phúc thẩm và đã ban hành bản án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 41 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng):** Thống kê số bị cáo phạm tội tham nhũng Tòa án đã xét xử phúc thẩm và đã ban hành bản án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 42 (Số bị cáo là pháp nhân thương mại):** Thống kê số bị cáo là pháp nhân thương mại Tòa án đã xét xử phúc thẩm và đã ban hành bản án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 43(Số bị cáo có người bào chữa tham gia phiên tòa):** Thống kê số bị cáo Tòa án đã xét xử phúc thẩm có người bào chữa tham gia phiên tòa, người bào chữa có thể do người bị buộc tội nhờ hoặc do cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền chỉ định.

- **Dòng 44 (Số bị cáo có luật sư):** Thống kê số bị cáo Tòa án đã xét xử phúc thẩm có luật sư tham gia phiên tòa bào chữa cho người bị buộc tội.

- **Dòng 45 (Số bị cáo có bào chữa viên nhân dân):** Thống kê số bị cáo Tòa án đã xét xử phúc thẩm có bào chữa viên nhân dân tham gia phiên tòa bào chữa cho người bị buộc tội.

- **Dòng 46 (Số bị cáo có trợ giúp viên pháp lý):** Thống kê số bị cáo Tòa án đã xét xử phúc thẩm có trợ giúp viên pháp lý tham gia phiên tòa bào chữa cho người bị buộc tội.

Đối với những bị cáo có cả luật sư, bào chữa viên nhân dân và trợ giúp viên pháp lý thì chỉ thống kê vào các dòng nêu trên.

- **Dòng 47 (Số bị cáo do VKS kháng nghị):** Thống kê số bị cáo do VKS kháng nghị mà Tòa án đã xét xử phúc thẩm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 48 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng):** Thống kê số bị cáo phạm tội tham nhũng do Viện kiểm sát kháng nghị Tòa án đã xét xử phúc thẩm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 49 (Số bị cáo do VKS cấp trên kháng nghị):** Thống kê số bị cáo do VKS cấp trên kháng nghị đã xét xử phúc thẩm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 50 (Số bị cáo Tòa án xử chấp nhận kháng nghị của VKS):** Thống kê số bị cáo Tòa án phúc thẩm xét xử chấp nhận kháng nghị của VKS (tính chung cả chấp nhận một phần và chấp nhận toàn bộ).

- **Dòng 51 (Số bị cáo do VKS cấp trên kháng nghị):** Thống kê số bị cáo VKS cấp trên kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm cấp dưới mà Tòa án đã xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của VKS, trong kỳ thống kê

- **Dòng 52 (Số bị cáo Tòa án chỉ xét xử về trách nhiệm dân sự):** Thống kê số bị cáo Tòa án chỉ xét xử về trách nhiệm dân sự, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 53 (Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm tuyên không phạm tội (án sơ thẩm tuyên bị cáo có tội)):** Thống kê số bị cáo Tòa sơ thẩm tuyên có tội, Tòa phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không có tội và đình chỉ xét xử vụ án.

- **Dòng 54 (Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị, kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm):** Thống kê số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm xét xử (trong kỳ thống kê) không chấp nhận kháng nghị, kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- **Dòng 55 (Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án):** Thống kê số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm xét xử (trong kỳ thống kê) sửa bản án sơ thẩm.

- **Dòng 56 (Số bị cáo sửa bản án do cấp sơ thẩm sai):** Thống kê số bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm đã sửa bản án sơ thẩm khi có căn cứ xác định

bản án sơ thẩm đã tuyên không đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 57 (Số bị cáo sửa bản án do phát sinh tình tiết mới):** Thống kê số bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm do tại phiên tòa phúc thẩm phát sinh tình tiết mới.

- **Dòng 58 (Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo kháng nghị của VKS):** Thống kê số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm xét xử (trong kỳ thống kê) sửa bản án sơ thẩm theo đề nghị của VKS tại bản kháng nghị.

- **Dòng 59 (Số bị cáo sửa bản án theo hướng tăng nặng):** Thống kê số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm xét xử trong kỳ thống kê sửa bản án sơ thẩm và tuyên phạt bị cáo với mức án cao hơn mức án Tòa án sơ thẩm đã tuyên trước đó.

- **Dòng 60 (Tăng hình phạt, áp dụng điều, khoản về tội nặng hơn; áp dụng hình phạt bổ sung; áp dụng biện pháp tư pháp):** Thống kê số bị cáo mà Tòa án phúc thẩm tuyên tăng hình phạt (như tăng thời hạn tù giam, tăng thời gian thử thách của án treo...); áp dụng điều, khoản về tội nặng hơn; áp dụng thêm hình phạt bổ sung; áp dụng thêm biện pháp tư pháp.

- **Dòng 61 (Chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nặng hơn):** Thống kê số bị cáo Tòa án phúc thẩm chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nặng hơn so với bản án sơ thẩm như chuyển từ án treo sang tù có thời hạn, từ tù chung thân lên tử hình...

- **Dòng 62 (Không cho bị cáo hưởng án treo):** Thống kê số bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt tù cho hưởng án treo nhưng Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử chuyển từ án treo sang tù giam, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 63 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng):** Thống kê số bị cáo phạm tội tham nhũng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt tù cho hưởng án treo nhưng Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử chuyển án treo sang tù giam, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 64 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng chuyển án treo sang tù giam theo kháng nghị của Viện kiểm sát):** Thống kê số bị cáo phạm tội tham nhũng Tòa sơ thẩm tuyên phạt tù cho hưởng án treo Viện kiểm sát đã kháng nghị yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử lại vụ án và không cho bị cáo được hưởng án treo, Tòa án đã xét xử phúc thẩm chuyển từ án treo sang án giam theo kháng nghị của Viện kiểm sát, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 65 (Số bị cáo sửa bản án theo hướng giảm nhẹ):** Thống kê số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm xét xử trong kỳ thống kê sửa bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo với mức án thấp hơn mức án Tòa án sơ thẩm đã tuyên trước đó.

- **Dòng 66 (Miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt; không áp dụng hình phạt bổ sung; không áp dụng biện pháp tư pháp):** Thống kê số bị cáo Tòa án sơ thẩm tuyên có tội nhưng Tòa án phúc thẩm đã tuyên miễn hình phạt hoặc miễn trách nhiệm hình sự; những bị cáo Tòa án sơ thẩm tuyên thêm hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp nhưng Tòa án phúc thẩm tuyên giảm hoặc không áp dụng hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp.

- **Dòng 67 (Áp dụng điều, khoản của BLHS về tội nhẹ hơn) :** Thống kê số bị cáo Tòa án phúc thẩm áp dụng điều, khoản khác nhẹ hơn so với bản án sơ thẩm đã tuyên.

- **Dòng 68 (Chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn) :** Thống kê số bị cáo Tòa án phúc thẩm chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn so với bản án sơ thẩm như chuyển từ tù có thời hạn sang cho hưởng án treo hoặc xử lý hành chính....

- **Dòng 69 (Giữ nguyên hoặc giảm mức hình phạt tù và cho hưởng án treo):** Thống kê số bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt án giam nhưng Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử chuyển từ tù giam sang án treo, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 70 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng):** Thống kê số bị cáo phạm tội tham nhũng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt tù giam nhưng Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử cho hưởng án treo, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 71 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng được chuyển sang án treo theo kháng nghị của Viện kiểm sát):** Thống kê số bị cáo phạm tội tham nhũng Tòa sơ thẩm tuyên phạt án giam Viện kiểm sát đã kháng nghị yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử lại vụ án và cho bị cáo được hưởng án treo, Tòa án đã xét xử phúc thẩm chuyển từ án giam sang án treo theo kháng nghị của Viện kiểm sát, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 72 (Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại):** Thống kê số bị cáo Tòa án phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại.

- **Dòng 73 (Số bị cáo hủy bản án do cấp sơ thẩm sai):** Thống kê số bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm đã hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại khi có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm. Việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố mà cấp sơ thẩm không phát hiện ra.

- **Dòng 74 (Số bị cáo sửa bản án do phát sinh tình tiết mới):** Thống kê số bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm đã hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại do tại phiên tòa phúc thẩm phát sinh tình tiết mới.

- **Dòng 75 (Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án theo kháng nghị của VKS):** Thống kê số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm xét xử trong kỳ thống kê hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo kháng nghị của VKS.

- **Dòng 76 (Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại) :** Thống kê số bị cáo Tòa án phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để xét xử sơ thẩm lại.

- **Dòng 77 (Số bị cáo hủy bản án do cấp sơ thẩm sai):** Thống kê số bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm đã hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại khi có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm; việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được; có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố mà Tòa án cấp sơ thẩm không nhận ra.

- **Dòng 78 (Số bị cáo sửa bản án do phát sinh tình tiết mới):** Thống kê số bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm đã hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại do tại phiên tòa phúc thẩm phát sinh tình tiết mới.

- **Dòng 79 (Số bị cáo Tòa án xử hủy bản án theo hướng kháng nghị của VKS):** Thống kê số bị cáo Tòa án phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm theo hướng kháng nghị của VKS và chuyển hồ sơ vụ án để xét xử sơ thẩm lại.

- **Dòng 80 (Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án):** Thống kê số bị cáo Tòa án phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 81 (Số bị cáo hủy bản án do cấp sơ thẩm sai):** Thống kê số bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm đã hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại trong các trường hợp: Hội đồng xét không đúng thành phần theo luật định; Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm; người được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người đó đã phạm tội; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hoặc áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo không có căn cứ; bản án sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật...

- **Dòng 82 (Số bị cáo sửa bản án do phát sinh tình tiết mới):** Thống kê số bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm đã hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại do tại phiên tòa phúc thẩm phát sinh tình tiết mới.

- **Dòng 83 (Số bị cáo hủy bản án theo kháng nghị của VKS):** Thống kê số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm xét xử trong kỳ thống kê hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo kháng nghị của VKS .

- **Dòng 84 (Số vụ án Tòa án quyết định tạm đình chỉ):** Thống kê số vụ án mà Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 85 (Số bị cáo Tòa án quyết định tạm đình chỉ):** Thống kê số bị cáo mà Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án đối với bị cáo theo thủ tục phúc thẩm trong kỳ thống kê.

Đối với những vụ án, bị cáo đã có quyết định tạm đình chỉ nhưng ngay trong kỳ thống kê đó đã có quyết định phục hồi thì **không** thống kê vào dòng này và dòng phục hồi.

- **Dòng 86 (Số vụ án còn lại cuối kỳ chưa xét xử phúc thẩm):** Thống kê số vụ án đến cuối kỳ thống kê chưa xét xử phúc thẩm, chưa có quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ.

Dòng 86 = Dòng 11 – Dòng 17 – Dòng 19 – Dòng 84

- **Dòng 87 (Số vụ án còn lại cuối kỳ thống kê chưa xét xử phúc thẩm nhưng đã quá hạn luật định):** Thống kê số vụ án chưa giải quyết đã quá hạn luật định quy định tại điều 346 BLTTHS.

- **Dòng 88 (Số bị cáo còn lại cuối kỳ chưa xét xử phúc thẩm):** Thống kê số bị cáo đến cuối kỳ thống kê chưa xét xử phúc thẩm chưa có quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ.

Dòng 88 = Dòng 13 – Dòng 18 – Dòng 40 – Dòng 85

- **Dòng 89 (Số bị cáo quá hạn tạm giam):** Thống kê số bị cáo đang xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm bị tạm giam nhưng đã quá thời hạn tạm giam ghi trong lệnh, quyết định tạm giam.

- **Dòng 90 (Số vụ án VKS rút toàn bộ kháng nghị):** Thống kê số vụ án VKS rút toàn bộ kháng nghị trước và trong phiên tòa phúc thẩm. Kháng nghị bị rút có thể do VKS cùng cấp hoặc VKS cấp dưới ban hành.

- **Dòng 91(Số vụ án VKS rút toàn bộ kháng nghị của VKS cấp dưới):** Thống kê số vụ án VKS cấp trên (VKS cấp tỉnh, VKS cấp cao...) rút toàn bộ kháng nghị của VKS cấp dưới trước và trong phiên tòa phúc thẩm.

- **Dòng 92 (Số bị cáo VKS rút toàn bộ kháng nghị):** Thống kê số bị cáo VKS rút toàn bộ kháng nghị trước và trong phiên tòa phúc thẩm. Kháng nghị bị rút có thể do VKS cùng cấp hoặc VKS cấp dưới ban hành.

Dòng 93 (Số bị cáo VKS rút toàn bộ kháng nghị của VKS cấp dưới): Thống kê số số bị cáo VKS cấp trên (VKS cấp tỉnh, VKS cấp cao...) rút toàn bộ kháng nghị của VKS cấp dưới trước và trong phiên tòa phúc thẩm.

- **Dòng 94 (Số vụ án báo cáo đề nghị VKS cấp trên kháng nghị giám đốc thẩm):** Thống kê số vụ án đã xét xử phúc thẩm mà VKS cấp dưới báo cáo đề nghị VKS cấp cao, VKS tối cao kháng nghị giám đốc thẩm.

- **Dòng 95 (Số bị cáo báo cáo đề nghị VKS cấp trên kháng nghị giám đốc thẩm):** Thống kê số bị cáo đã xét xử phúc thẩm mà VKS cấp dưới báo cáo đề nghị VKS cấp cao, VKS tối cao kháng nghị giám đốc thẩm.

- **Dòng 96 (Số vụ án báo cáo đề nghị VKS cấp trên kháng nghị tái thẩm):** Thống kê số vụ án đã xét xử phúc thẩm mà VKS cấp dưới báo cáo đề nghị VKS cấp cao, VKS tối cao kháng nghị tái thẩm.

- **Dòng 97 (Số bị cáo báo cáo đề nghị VKS cấp trên kháng nghị tái thẩm):** Thống kê số bị cáo đã xét xử phúc thẩm mà VKS cấp dưới báo cáo đề nghị VKS cấp cao, VKS tối cao kháng nghị tái thẩm.

- **Dòng 98 (Số bản kiến nghị của VKS với Tòa án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động XXPT):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS với Tòa án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động XXPT. Trường hợp 1 bản kiến nghị chung cả 3 cấp xét xử với Tòa án thì chỉ thống kê 1 lần phần xét xử sơ thẩm.

- **Dòng 99 (Số bản kiến nghị được Tòa án chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm trong XXPT đã được Tòa án có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 100 (Số bản kiến nghị không được Tòa án chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm trong XXPT mà Tòa án có văn bản không chấp nhận trong kỳ thống kê (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 101 (Số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức và đơn vị hữu quan về áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật):** thống kê số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức và đơn vị hữu quan về áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật trong giai đoạn phúc thẩm.